

I. CÁC LỚP KHÓA 16, 17, 18

| Thứ          | Lớp<br>Buổi | 16DTH1                                                                      | 16DTH2                                           | 16DTH3                                          | 17DCNTT1                                        | 17DCNTT2                                        | 17DCNPM                                         | 18DCNTT1                                          | 18DCNTT2                                          | 18DCNPM                                         |
|--------------|-------------|-----------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|-------------------------------------------------|-------------------------------------------------|-------------------------------------------------|-------------------------------------------------|---------------------------------------------------|---------------------------------------------------|-------------------------------------------------|
| Hai<br>06/10 | S           | IoT - 4<br>(T. Toàn - <b>P. 14</b> )                                        | XML và ứng dụng - 4<br>(T. Tuấn - <b>PM1</b> )   |                                                 | PTUD trên Linux - 4<br>(T. Hôn - <b>PM5</b> )   |                                                 | PTTKHT- 4<br>(C. Anh - <b>P. A7</b> )           | Tiếng anh CB3 -4<br>(C. Út - <b>P. A10</b> )      | Cấu trúc dữ liệu - 4<br>(T. Viêm - <b>P. A8</b> ) | XSTK - 4<br>(T. Hoàn - <b>P. 15</b> )           |
|              |             | XML và ứng dụng - 4<br>(T. Tuấn - <b>P.13</b> )                             | IoT - 4<br>(T. Toàn - <b>P. A7</b> )             | Hệ QTCSDL - 4<br>(T. Hạnh - <b>P. A10</b> )     | Lập trình GDND - 4<br>(C. Trâm - <b>PM5</b> )   | Mạng máy tính - 4<br>(C. Lợi - <b>P. A8</b> )   | Lập trình GDND - 4<br>(T. Chính - <b>P.15</b> ) | CSDL - 4<br>(C. Anh - <b>PM1</b> )                | Lý thuyết đồ thị - 3<br>(T. Hải - <b>P.A9</b> )   |                                                 |
| Ba<br>07/10  | S           | Kỹ năng mềm - 4<br>(C. Phước - <b>P. A9</b> )                               | Lắp ráp cài đặt - 4<br>(T. Nghĩa - <b>PM1</b> )  | Quản lý DAPM - 4<br>(C. Anh - <b>P. 14</b> )    | Lập trình Python - 4<br>(T. Tuấn - <b>PM3</b> ) | Lập trình GDND - 4<br>(C. Trâm - <b>PM5</b> )   | PT yêu cầu PM - 3<br>(C. Lợi - <b>P. A10</b> )  | XSTK - 4<br>(T. Linh - <b>P. 15</b> )             | CSDL - 4<br>(T. Thừa - <b>P. A8</b> )             |                                                 |
|              | C           |                                                                             | Lắp ráp cài đặt - 4<br>(T. Nghĩa - <b>PA10</b> ) | Hệ QTCSDL - 4<br>(T. Hạnh - <b>PM3</b> )        | Mạng máy tính - 4<br>(C. Lợi - <b>P.A8</b> )    |                                                 | Mạng máy tính - 4<br>(T. Toàn - <b>P.13</b> )   | CSDL - 4<br>(C. Anh - <b>PM5</b> )                |                                                   |                                                 |
| Tư<br>08/10  | S           | LTUD Mobile - 4<br>(T. Trường - <b>P. 13</b> )                              | IoT - 4<br>(T. Toàn - <b>P. A10</b> )            | Bảo trì PM - 3<br>(T. Nghĩa - <b>P. A9</b> )    |                                                 |                                                 |                                                 | Cấu trúc dữ liệu - 4<br>(T. Viêm - <b>PM3</b> )   | CSDL - 4<br>(T. Thừa - <b>P. A8</b> )             | Cấu trúc dữ liệu - 4<br>(T. Hải- <b>P. A7</b> ) |
|              | C           | Lắp ráp cài đặt - 4<br>(T. Nghĩa - <b>PA8</b> )                             | XML và ứng dụng - 4<br>(T. Tuấn - <b>P.15</b> )  |                                                 | Lịch sử ĐCSVN - 4<br>(C. Kiều - <b>P. A10</b> ) | Hệ điều hành - 4<br>(T. Hạnh - <b>P. A7</b> )   |                                                 | CNXHKH - 3<br>(C. Trang - <b>P. A9</b> )          |                                                   | Cơ sở dữ liệu - 4<br>(C. Trâm - <b>PM5</b> )    |
| Năm<br>9/10  | S           | XML và ứng dụng - 4<br>(T. Tuấn - <b>P. 14</b> )                            | Kỹ năng mềm - 4<br>(C. Phước - <b>P. A7</b> )    |                                                 | Hệ điều hành - 4<br>(T. Hạnh - <b>P. A10</b> )  |                                                 | Lập trình GDND - 4<br>(T. Chính - <b>P.15</b> ) |                                                   |                                                   |                                                 |
|              | C           |                                                                             | LTUD Mobile - 4<br>(T. Trường - <b>P. 13</b> )   | Khai mở dữ liệu - 3<br>(T. Bảo - <b>P. A8</b> ) |                                                 |                                                 |                                                 |                                                   | CNXHKH- 3<br>(C. Trang - <b>P. A9</b> )           |                                                 |
|              |             | Hội nghị Tổ Công đoàn khoa nhiệm kỳ 2025 - 2030, tại phòng máy 1 lúc 14h00. |                                                  |                                                 |                                                 |                                                 |                                                 |                                                   |                                                   |                                                 |
| Sáu<br>10/10 | S           |                                                                             |                                                  |                                                 | Hệ điều hành - 4<br>(T. Hạnh - <b>PM1</b> )     | Lập trình GDND - 4<br>(C. Trâm - <b>PM5</b> )   |                                                 | Lý thuyết đồ thị - 3<br>(T. Hải - <b>P. A10</b> ) | Tiếng anh CB3- 4<br>(C. Loan - <b>P. A9</b> )     | CNXHKH - 3<br>(C. Trang - <b>P. A8</b> )        |
|              | C           | Lắp ráp cài đặt - 4<br>(T. Nghĩa - <b>PM1</b> )                             |                                                  | Khai mở dữ liệu - 4<br>(T. Bảo - <b>P. A8</b> ) |                                                 | Lịch sử ĐCSVN - 4<br>(C. Kiều - <b>P. A10</b> ) |                                                 |                                                   | Xác suất thống kê - 4<br>(T. Tâm- <b>P. A7</b> )  | Cơ sở dữ liệu - 4<br>(C. Trâm - <b>PM5</b> )    |
| Bảy<br>11/10 | S           |                                                                             |                                                  |                                                 |                                                 | Lập trình Python - 4<br>(T. Hôn - <b>PM5</b> )  | Lịch sử ĐCSVN - 4<br>(C. Kiều - <b>P. A10</b> ) |                                                   | Cấu trúc dữ liệu - 4<br>(T. Viêm - <b>PM1</b> )   | Cấu trúc dữ liệu - 4<br>(T. Hải- <b>P. A7</b> ) |
|              | C           |                                                                             |                                                  |                                                 |                                                 | Hệ điều hành - 4<br>(T. Hạnh - <b>PM5</b> )     |                                                 |                                                   |                                                   |                                                 |
| CN<br>12/10  | S           |                                                                             |                                                  |                                                 |                                                 |                                                 |                                                 |                                                   |                                                   |                                                 |
|              | C           |                                                                             |                                                  |                                                 |                                                 |                                                 |                                                 |                                                   |                                                   |                                                 |

Lưu ý: Các phòng học lý thuyết P. 13, P. 14, P. 15 ở Cơ sở 1; riêng Phòng A7, A8, A9, A10, GD7 ở Cơ sở 2

## II. CÁC LỚP KHÓA 19

| Thứ                        | Lớp<br>Buổi | 19DCNTT1                                     | 19DCNTT2                                      | 19DCNPM                                        |
|----------------------------|-------------|----------------------------------------------|-----------------------------------------------|------------------------------------------------|
| <b>Hai</b><br><b>06/10</b> | <b>S</b>    |                                              | THCB - 4<br>(C. Trâm - <b>PM3</b> ) <b>N1</b> | Tiếng anh CB1 -4<br>(C. Tú- <b>P. 13</b> )     |
|                            | <b>C</b>    | THCB - 4<br>(T. Toàn - <b>P. 14</b> )        |                                               |                                                |
| <b>Ba</b><br><b>07/10</b>  | <b>S</b>    |                                              | ĐK & CL - 4<br>(C. Thu-T. Phúc)- <b>N2</b>    | KTMT - 4<br>(T. Hiền - <b>P. 13</b> )          |
|                            | <b>C</b>    | ĐK & CL - 4<br>(T. Mai - T. Phúc) <b>N2</b>  | KTMT - 4<br>(T. Hiền - <b>P. 15</b> )         |                                                |
| <b>Tư</b><br><b>08/10</b>  | <b>S</b>    | PLĐC - 4<br>(C. Diễm - <b>P. 14</b> )        | Toán cao cấp - 4<br>(T. Hoàn- <b>P. 15</b> )  | ĐK & BC - 4<br>(T. Quang)                      |
|                            | <b>C</b>    | KTMT - 4<br>(T. Hiền - <b>P. 14</b> )        | ĐK & BC - 4<br>(T. Quang) <b>N1</b>           | THCB - 4<br>(C. Lợi - <b>P. 13</b> )           |
| <b>Năm</b><br><b>9/10</b>  | <b>S</b>    | ĐK & BC - 4<br>(T. Quang) <b>N1</b>          | THCB - 4<br>(C. Trâm- <b>PM3</b> ) <b>N2</b>  | Toán cao cấp - 4<br>(T. Minh- <b>P. 13</b> )   |
|                            | <b>C</b>    | ĐK & CL - 4<br>(T. Mai - T. Phúc) <b>N2</b>  |                                               |                                                |
| <b>Sáu</b><br><b>10/10</b> | <b>S</b>    |                                              | ĐK & BC - 4<br>(T. Quang)- <b>N1</b>          | PLĐC - 4<br>(C. Diễm - <b>P. 13</b> )          |
|                            | <b>C</b>    | ĐK & BC - 4<br>(T. Quang) <b>N1</b>          | PLĐC - 4<br>(C. Diễm - <b>P. 14</b> )         | Triết học MLN - 4<br>(T. Hiệp - <b>P. 13</b> ) |
| <b>Bảy</b><br><b>11/10</b> | <b>S</b>    | Toán cao cấp - 4<br>(T. Tâm- <b>P. 14</b> )  | ĐK & CL - 4<br>(C. Thu - T. Phúc) <b>N2</b>   | ĐK & BC - 4<br>(T. Quang)                      |
|                            | <b>C</b>    | Triết học MLN - 4<br>(T. Hiệp - <b>GĐ7</b> ) |                                               |                                                |
| <b>CN</b><br><b>12/10</b>  | <b>S</b>    |                                              |                                               |                                                |
|                            | <b>C</b>    |                                              |                                               |                                                |

**Lưu ý:** Các phòng học lý thuyết P. 13, P. 14, P. 15 ở Cơ sở 1; riêng Phòng A7, A8, A9, A10, GĐ7 dãy B ở Cơ sở 2

Các môn Bóng chuyền, Điền kinh học ở sân trường bên Cơ sở 2

ĐK&BC: Điền kinh & bóng chuyền; KTMT: Kiến trúc máy tính; THCB: Tin học căn bản

Cà Mau, ngày 03 tháng 10 năm 2025

**PHỤ TRÁCH KHOA**



**Huỳnh Huy Tuấn**

**THÔNG TIN GIẢNG VIÊN**

| TT        | Họ tên                            | Số điện thoại | Email               |
|-----------|-----------------------------------|---------------|---------------------|
| <b>I</b>  | <b>Khoa Kỹ thuật và Công nghệ</b> |               |                     |
| 1         | Huỳnh Huy Tuấn                    | 0918.670.365  | hhtuan@blu.edu.vn   |
| 2         | Võ Ngọc Lợi                       | 0374.614.988  | vnloi@blu.edu.vn    |
| 3         | Huỳnh Thị Mỹ Trâm                 | 0859.499.755  | htmtram@blu.edu.vn  |
| 4         | Nguyễn Hoàng Hôn                  | 0856.090.121  | nhhon@blu.edu.vn    |
| 5         | Hà Thị Phương Anh                 | 0939.380.382  | htpanh@blu.edu.vn   |
| 6         | Triệu Yến Yến                     | 0919.000.775  | tyyen@blu.edu.vn    |
| 7         | Triệu Vĩnh Viêm                   | 0943.859.909  | tvviem@blu.edu.vn   |
| 8         | Trương Xuân Hạnh                  | 0983.029.077  | txhanh@blu.edu.vn   |
| 9         | Hoàng Ngọc Hiền                   | 0943.008.175  | hnkien@blu.edu.vn   |
| 10        | Tô Khánh Toàn                     | 0949.983.252  | tktoan@blu.edu.vn   |
| 11        | Trần Phước Nghĩa                  | 0983.825.829  | tpnghia@blu.edu.vn  |
| 12        | Tào Thanh Hải                     | 0918.442.636  | tthai@blu.edu.vn    |
| <b>II</b> | <b>Mời giảng</b>                  |               |                     |
| 1         | Diệp Thị Hồng Phước               | 0913.989.693  | dthphuoc@blu.edu.vn |
| 2         | Nguyễn Khải Hoàn                  | 0919.677.904  | nkhoan@blu.edu.vn   |
| 3         | Nguyễn Hữu Tâm                    | 0946.707.819  | nhtam@blu.edu.vn    |
| 4         | Nguyễn Hùng Vĩ                    | 0945.778.898  | nhvi@blu.edu.vn     |
| 5         | Đào Thị Thu                       | 0909.137.213  | dtthu@blu.edu.vn    |
| 6         | Nguyễn Vinh Quang                 | 0916.909.737  | nvquang@blu.edu.vn  |
| 7         | Trương Thị Kiều                   | 0944.878.527  | ttkieu@blu.edu.vn   |
| 8         | Phạm Thanh Loan                   | 0982.299.295  | ptloan@blu.edu.vn   |
| 9         | La Thùy Diễm                      | 0967.077. 778 |                     |
| 10        | Nguyễn Văn Trọng                  | 0949.119.599  | nvttrong@blu.edu.vn |
| 11        | Lê Quốc Bảo                       | 0944.683.132  | lqbao@blu.edu.vn    |
| 12        | Sâm Ngọc Khả Tú                   | 0793.659.644  |                     |
| 13        | Diệp Kiều Trang                   | 0913458993    |                     |
| 14        | Huỳnh Thị Út                      | 0946.463.232  |                     |
| 15        | Đào Thị Thu                       | 0944930040    |                     |
| 16        | Liên Trọng Nghĩa                  | 0835575799    |                     |
| 17        | Trang Minh Thừa                   | 0916.876.870  |                     |
| 18        | Trịnh Khánh Linh                  | 0366750780    |                     |
| 19        | Trang Minh Thừa                   | 0916.876.870  |                     |
| 20        | Trịnh Khánh Linh                  | 0366750780    |                     |

**THÔNG TIN LỚP TRƯỞNG**

| TT | Lớp      | Họ tên               |  | Số điện thoại |
|----|----------|----------------------|--|---------------|
| 1  | 16DTH1   | Trần Quốc Đại        |  | 0775.825.544  |
| 2  | 16DTH2   | Tô Trung Nhân        |  | 0825.143.736  |
| 3  | 16DTH3   | Bùi Kiên Nhân        |  | 0911.357.371  |
| 4  | 17DCNTT1 | Đỗ Quốc Huy          |  | 0888.406.610  |
| 5  | 17DCNTT2 | Trần Thanh Phong     |  | 0823.397.739  |
| 6  | 17DCNPM  | Thiều Thị Mỹ Ngọc    |  | 0387.284.547  |
| 7  | 18DCNTT1 | Nguyễn Thành Luân    |  | 0948000170    |
| 8  | 18DCNTT2 | Trần Vũ Duy          |  | 0975594796    |
| 9  | 18DCNPM  | Cao Anh Lộc          |  | 0944836300    |
| 10 | 19DCNTT1 | Nguyễn Gia Hoàng     |  | 0399210706    |
| 11 | 19DCNTT2 | Phạm Nguyễn Yến Linh |  | 0949411051    |
| 12 | 19DCNPM  | Đỗ Hồng Phước        |  | 0913717040    |